**BÀN VỀ THỰC TIỄN \***

**Quan hệ giữa nhận thức và thực tiễn – Quan hệ giữa biết và làm**

(Tháng 7 năm 1937)

Chủ nghĩa duy vật trước Marx tách rời tính chất xã hội của con người, tách rời sự phát triển lịch sử của loài người để xem xét vấn đề nhận thức, nên không thể hiểu được quan hệ phụ thuộc của nhận thức đối với thực tiễn xã hội, nghĩa là quan hệ phụ thuộc của nhận thức đối với sản xuất và đấu tranh giai cấp.

Trước hết, những người Marxist nhận thấy rằng: hoạt động sản xuất của loài người là hoạt động thực tiễn cơ bản nhất, là cái quyết định hết thảy mọi hoạt động khác. Nhận thức con người chủ yếu là dựa vào hoạt động sản xuất vật chất, dần dần hiểu rõ hiện tượng tự nhiên, tính chất của tự nhiên, quy luật của tự nhiên, quan hệ giữa người với tự nhiên ; và trải qua hoạt động sản xuất cũng dần dần nhận thức được quan hệ nhất định giữa người với người trên những trình độ khác nhau. Tất cả những hiểu biết ấy, tách rời hoạt động sản xuất thì không thể có được. Trong xã hội không có giai cấp, mỗi người lấy tư cách là một thành viên của xã hội, hiệp lực với những thành viên khác trong xã hội, kết thành quan hệ sản xuất nhất định mà gắn với hoạt động sản xuất để giải quyết vấn đề sinh hoạt vật chất của loài người. Đó là nguồn gốc cơ bản của sự phát triển nhận thức của con người.

Thực tiễn xã hội của loài người không đóng khung trong hình thức hoạt động sản xuất, mà còn có nhiều hình thức khác: đấu tranh giai cấp, sinh hoạt chính trị, hoạt động khoa học và nghệ thuật, nói tóm lại, tất cả mọi lĩnh vực sinh hoạt thực tế của xã hội đều có con người tham gia. Vì vậy, ngòi sinh hoạt vật chất ra, nhận thức con người về quan hệ giữa người với người còn do sinh hoạt chính trị và sinh hoạt văn hóa (liên hệ mật thiết với sinh hoạt vật chất) mà biết được, trên những trình độ khác nhau. Trong xã hội có giai cấp, mỗi người đều sinh hoạt trên một địa vị giai cấp nhất định, không có tư tưởng nào mà không mang theo dấu vết của giai cấp.  
  
Người Marxist nhận thấy rằng hoạt động sản xuất của xã hội loài người phát triển hết bước này đến bước khác, từ thấp lên cao ; vì vậy, nhận thức con người, bất luận là đối với tự nhiên hay xã hội, cũng đều phát triển hết bước này đến bước khác, từ thấp lên cao, nghĩa là từ cạn đến sâu, từ một phía đến nhiều phía. Trong một thời kỳ lịch sử rất dài, người ta chỉ có thể hiểu biết lịch sử xã hội một cách phiến diện ; một mặt là do sự thiên kiến của giai cấp bóc lột luôn luôn bóp méo lịch sử xã hội, một mặt nữa là do khuôn khổ sản xuất nhỏ hẹp đã hạn chế quan điểm của mỗi người. Cho đến khi giai cấp vô sản cận đại ra đời theo sức sản xuất đại quy mô – nền đại công nghiệp – thì con người mới có thể có sự hiểu biết toàn diện về sự phát triển của lịch sử xã hội, đem những nhận thức về xã hội biến thành khoa học, tức là khoa học của chủ nghĩa Marx.

Người Marxist nhận thấy rằng chỉ có thực tiễn xã hội của loài người mới là tiêu chuẩn cho chân lý của nhận thức con người đối với sự vật bên ngoài. Tình hình thực tế là: chỉ khi nào trong quá trình thực tiễn xã hội (sản xuất vật chất, đấu tranh giai cấp, thực nghiệm khoa học) mà con người đạt được thành quả được đoán trước, thì nhận thức của họ mới được chứng thực. Con người muốn đạt được thắng lợi cho công tác, nghĩa là muốn đi tới thành quả được đoán trước, thì nhất định phải làm cho tư tưởng của mình hợp với tính quy luật của thế giới khách quan bên ngoài, nếu không thì sẽ thất bại trong thực tiễn. Sau khi trải qua thất bại, thì cũng có thể rút ra bài học từ những thất bại đó, sửa chữa tư tưởng của mình cho thích hợp với quy luật của thế giới bên ngoài, biến thất bại thành thắng lợi ; nói rằng “Thất bại là mẹ thành công” , “Ngã một keo, leo một nấc” chính là như thế. Nhận thức luận duy vật biện chứng nâng thực tiễn lên hàng đầu, nhận rằng một điểm nhận thức nào của loài người cũng không thể tách rời thực tiễn ; nó bài xích hết thảy mọi lý luận sai lầm phủ nhận tính chất quan trọng của thực tiễn, làm cho nhận thức tách rời thực tiễn. Lenin từng nói rằng: “Thực tiễn cao hơn nhận thức (lý luận), vì nó có ưu điểm không những của tính phổ biến, mà cả của tính hiện thực trực tiếp.” **1** Chủ nghĩa duy vật biện chứng – triết học của chủ nghĩa Marx – có hai đặc điểm rất rõ rệt: một là tính chất giai cấp của nó, công nhiên nói rõ chủ nghĩa duy vật biện chứng phục vụ giai cấp vô sản ; một mặt nữa là tính chất thực tiễn, nhấn mạnh rằng lý luận có quan hệ phụ thuộc vào thực tiễn, lý luận lấy thực tiễn làm nền tảng, lại quay về phục vụ thực tiễn. Muốn phán đoán xem nhận thức hay lý luận có đúng chân lý hay không, không phải cứ dựa theo chủ quan mình cảm thấy thế nào, mà phải dựa theo kết quả của thực tiễn xã hội khách quan ra sao mà định. Tiêu chuẩn của chân lý chỉ có thể là thực tiễn xã hội. Quan điểm thực tiễn là quan điểm thứ nhất và cơ bản của nhận thức luận duy vật biện chứng **2**.

Nhưng nhận thức của con người nảy ra từ thực tiễn và trở lại phục vụ thực tiễn như thế nào? Chúng ta hãy xem quá trình phát triển của nhận thức thì rõ.

Trong quá trình thực tiễn, ban đầu người ta chỉ nhìn thấy mặt hiện tượng của các sự vật trong suốt quá trình, nhìn thấy từng khía cạnh riêng lẻ của sự vật, nhìn thấy mối liên hệ bề ngoài giữa các sự vật. Ví dụ có một số người từ bên ngoài đến Diên An xem xét, trong một hai ngày đầu, họ quan sát địa hình, đường phố, nhà cửa ở Diên An, tiếp xúc với nhiều người, tham gia tiệc tùng, cuộc vui và những cuộc hội họp của quần chúng, nghe những câu chuyện và đọc những văn kiện ; những việc đó là hiện tượng của sự vật, từng khía cạnh riêng lẻ của sự vật và mối liên hệ bên ngoài của các sự vật ấy. Đấy gọi là giai đoạn cảm tính của nhận thức, tức là giai đoạn cảm giác và ấn tượng. Đó cũng là giai đoạn các sự vật khác nhau ấy ở Diên An đã đập vào mắt của các thành viên của đoàn công tác, gây cảm giác cho họ, ghi nhiều ấn tượng trong trí óc của họ và làm nảy ra sự liên hệ bề ngoài, giữa các cảm giác với nhau ; đó là giai đoạn thứ nhất của nhận thức. Trong giai đoạn ấy, con người chưa thể tạo nên những khái niệm sâu sắc, đưa ra những kết luận hợp với luận lý (tức là hợp với logic).  
  
Sự tiếp diễn của thực tiễn xã hội làm cho con người lật đi lật lại nhiều lần những cảm giác và ấn tượng đã ghi lại trong thực tiễn, do đó mà trong trí óc nảy ra sự đột biến (tức nhảy vọt) trong quá trình nhận thức, sinh ra khái niệm. Khái niệm không còn là những hiện tượng của sự vật, không còn là từng khía cạnh riêng lẻ của sự vật, không còn là những mối liên hệ bên ngoài của sự vật nữa, mà là đã nắm được bản chất của sự vật, tính toàn thể của sự vật và mối quan hệ bên trong của chúng. Khái niệm và cảm giác không những khác nhau về lượng mà còn khác nhau về chất. Tiếp tục tiến lên như vậy, dùng phương pháp phán đoán và suy lý thì có thể đưa ra những kết luận hợp với luận lý. Trong truyện “Tam quốc” có câu: “Chau mày một cái, mưu kế nảy ra ngay” ; hàng ngày chúng ta thường nói “Cho tôi nghĩ một cái”, đó là việc người ta vận dụng khái niệm trong đầu óc để phán đoán và suy lý. Đây là giai đoạn thứ hai của nhận thức. Các vị trong đoàn xem xét sau khi thu thập các tài liệu và “nghĩ một cái” rồi, thì đã có thể phán đoán rằng “Chính sách của Mặt trận Đoàn kết dân tộc chống Nhật của Đảng Cộng sản là triệt để, thẳng thắn và chân thật”. Sau khi phán đoán như vậy, nếu họ cũng chân thật đoàn kết cứu nước thì họ có thể tiến thêm một bước nữa, đi tới kết luận như sau: “Mặt trận Đoàn kết dân tộc chống Nhật có thể giành thắng lợi”. Giai đoạn khái niệm, phán đoán và suy lý ấy là giai đoạn trọng yếu hơn trong toàn bộ quá trình nhận thức của con người đối với một sự vật, cũng chính là giai đoạn nhận thức lý tính. Nhiệm vụ thực sự của nhận thức là trải qua cảm giác mà đạt tới tư duy, đạt tới chỗ dần dần hiểu biết rõ mâu thuẫn khách quan bên trong sự vật, hiểu rõ tính chất, quy luật của chúng, hiểu rõ mối liên hệ bên trong giữa quá trình này với quá trình khác, nghĩa là đạt tới nhận thức lý luận. Ở đây xin nhắc lại rằng, sở dĩ nhận thức luận lý khác nhận thức cảm tính, chính là vì nhận thức cảm tính là thuộc về từng khía cạnh riêng lẻ của hiện tượng, về mối liên hệ bên ngoài của sự vật, còn nhận thức luận lý thì đã tiến tới một bước xa hơn, đạt tới tính toàn diện, cái bản chất, tới mối liên hệ bên trong của sự vật, đạt tới giai đoạn phơi bày mâu thuẫn nội bộ bên trong thế giới xung quanh, do đó mà có thể nắm được sự phát triển của thế giới xung quanh, về mặt toàn thể của nó, về mặt liên hệ bên trong của mọi khía cạnh của thế giới xung quanh.

Lý luận duy vật biện chứng về quá trình phát triển của nhận thức đặt nền tảng trên thực tiễn, từ cạn đến sâu, trước chủ nghĩa Marx, chưa có một ai có thể giải quyết được như vậy. Chủ nghĩa duy vật Marxist lần đầu tiên giải quyết được vấn đề ấy một cách đúng đắn, chỉ rõ sự vận động của nhận thức một cách duy vật và biện chứng theo chiều hướng càng ngày càng sâu sắc, chỉ rõ sự vận động nhận thức của con người trong thực tiễn xã hội phức tạp, một vòng lặp của sản xuất và đấu tranh giai cấp: sự vận động từ nhận thức cảm tính đến nhận thức luân lý. Lenin từng nói rằng: “Những sự trừu tượng về vật chất, về quy luật tự nhiên, sự trừu tượng về giá trị, v.v., tóm lại, tất cả những sự trừu tượng khoa học (đúng đắn, nghiêm túc, không tùy tiện) phản ánh giới tự nhiên sâu sắc hơn, chính xác hơn, đầy đủ hơn” **3**. Chủ nghĩa Marx – Lenin nhận thấy rằng: đặc tính của hai giai đoạn trong quá trình nhận thức là: ở giai đoạn thấp, nhận thức biểu hiện bằng cảm tính ; ở giai đoạn cao, nhận thức biểu hiện bằng luận lý, song bất cứ giai đoạn nào cũng đều là giai đoạn thuộc về quá trình thống nhất của nhận thức. Tính chất của cảm tính và lý tính khác nhau, song chúng lại không tách rời nhau, mà thống nhất với nhau trên cơ sở thực tiễn. Thực tiễn của chúng ta chứng tỏ rằng: cái mà chúng ta cảm nhận được, chúng ta không thể hiểu rõ ngay tức khắc, chỉ có cái mà chúng ta hiểu rõ rồi thì chúng ta mới cảm nhận nó một cách sâu sắc hơn. Cảm giác chỉ giải quyết vấn đề hiện tượng, lý luận mới giải quyết vấn đề bản chất. Sự giải quyết các vấn đề ấy, dù một ly cũng không thể rời được thực tiễn. Vô luận người nào muốn hiểu được sự vật gì, trừ khi tiếp xúc với sự vật ấy, nghĩa là sống (hoạt động thực tiễn) trong môi trường của sự vật ấy, thì không có cách gì giải quyết được. Trong xã hội phong kiến không thể có nhận thức về quy luật của xã hội tư bản chủ nghĩa được ngay, bởi vì chừng nào chủ nghĩa tư bản chưa ra đời thì không thể có loại thực tiễn ấy. Chủ nghĩa Marx chỉ có thể là sản phẩm của xã hội tư bản chủ nghĩa. Marx không thể ở trong thời đại của chủ nghĩa tư bản tự do mà đã nhận thức được một cách cụ thể về một vài quy luật nào đó của thời đại đế quốc chủ nghĩa được ngay ; bởi vì chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản chưa đến thì chưa thể có loại thực tiễn ấy, chỉ có Lenin và Stalin mới đảm đương được nhiệm vụ ấy. Sở dĩ Marx, Engels, Lenin, Stalin xây dựng được lý luận của mình, ngoài điều kiện thiên tài của mình ra, chủ yếu là do họ đã tự mình tham gia thực tiễn đấu tranh giai cấp và thực nghiệm khoa học đương thời, không có điều kiện này thì thiên tài đến mấy cũng không thành công được. “Tú tài bất xuất môn, toàn tri thiên hạ sự”, câu ấy ở thời đại mà kỹ thuật chưa phát triển, chỉ là một câu nói suông ; ở thời đại kỹ thuật phát triển, tuy rằng câu nói ấy có thể có giá trị, nhưng những người thực sự tự mình biết rõ được những sự việc trong cuộc sống phải là những người liên hệ với thực tiễn của thế giới xung quanh, những người ấy, nhờ thực tiễn của bản thân mà nảy ra “sự hiểu biết”, rồi nhờ chữ viết, nhờ kỹ thuật mà truyền bá cái biết ấy đến “tú tài” ; do đó tú tài mới có thể gián tiếp “biết việc thiên hạ” được. Nếu muốn trực tiếp nhận thức sự vật này hay sự vật khác thì chỉ có cách tự mình tham gia đấu tranh thực tiễn, thay đổi hiện thực, thay đổi sự vật này hay sự vật khác ; có như vậy mới có thể chạm tới hiện tượng của sự vật này hay sự vật khác để hiểu rõ nó. Đó là con đường nhận thức mà trong thực tế, bất cứ ai cũng phải đi theo ; chẳng qua là chỉ có một số người nào đó cố ý bóp méo sự thật và phản đối điều đó mà thôi. Trên đời, đáng buồn cười nhất là những tay tự cho mình “gì cũng biết hết” **4**, vớ được kiến thức một cách nửa sống nửa chín, họ đã tự phong cho mình là “đệ nhất thiên hạ”, như thế chỉ tỏ ra là không biết lượng sức mình mà thôi. Vấn đề tri thức là một vấn đề khoa học, không dung thứ cho sự giả dối và kiêu ngạo, trái hẳn lại, điều cần thiết mang tính quyết định, chính là thái độ thành thật và khiêm tốn. Anh muốn có tri thức, anh phải đưa vào thực tiễn thay đổi hiện thực. Anh muốn biết mùi lê, anh phải hái quả lê đó và tự mình cắn một miếng. Anh muốn biết cấu tạo và tính chất của nguyên tử, anh phải thực hành những thí nghiệm vật lý và hóa học, thay đổi trạng thái của nguyên tử. Anh muốn biết lý luận và phương pháp cách mạng, thì anh phải tham gia cách mạng. Mọi sự hiểu biết đúng đắn đều bắt nguồn từ kinh nghiệm trực tiếp. Nhưng người ta không thể việc gì cũng dựa vào kinh nghiệm trực tiếp, thực ra tuyệt đại đa số hiểu biết đều xuất phát từ kinh nghiệm gián tiếp, đó là tất cả những hiểu biết từ thời xa xưa và từ những nơi khác gộp lại. Những hiểu biết đó đối với người xưa và người ngoài là kinh nghiệm trực tiếp, nếu trong quá trình [kinh nghiệm trực tiếp của người xưa và người khác] mà những hiểu biết đó phù hợp với điều kiện “khoa học trừu tượng” mà Lenin đề ra, nó đã phản ánh sự vật một cách khoa học, khách quan, có thể tin cậy được, hoặc là không. Cho nên trí thức con người chỉ đến từ hai phần, đó là kinh nghiệm trực tiếp và kinh nghiệm gián tiếp. Do đó, về mặt tổng quát, không có loại hiểu biết nào mà không xuất phát từ kinh nghiệm trực tiếp. Nguồn gốc của bất cứ sự hiểu biết nào cũng xuất phát từ cảm giác của những giác quan, xác thịt con người đối với sự vật khách quan bên ngoài ; nếu ai đó phủ nhận cảm quan ấy, phủ nhận kinh nghiệm trực tiếp, phủ nhận thực tiễn thay đổi hiện thực của chính mình, thì người ấy không phải là một người duy vật chủ nghĩa. Những tay tự cho mình là “gì cũng biết hết” sở dĩ đáng cười ở chỗ đó. Người Trung Quốc có câu tục ngữ: “Không vào hang hùm, sao bắt được cọp con”. Đối với thực tiễn của con người thì câu ấy là chân lý, đối với nhận thức luận, đó cũng la chân lý. Nhận thức không thể tách rời với thực tiễn được.

Để làm sáng tỏ sự vận động duy vật biện chứng của nhận thức – sự vận động theo chiều hướng càng ngày càng sâu của nhận thức – phát sinh trên cơ sở thực tiễn thay đổi hiện thực, tôi xin nêu thêm vài ví dụ cụ thể.

Nhận thức của giai cấp vô sản đối với xã hội tư bản chủ nghĩa, trong buổi đầu của thực tiễn – tức là trong thời kỳ đập phá máy móc và đấu tranh tự phát – họ chỉ mới ở giai đoạn nhận thức cảm tính, chỉ là nhận thức từng khía cạnh riêng lẻ của các hiện tượng của chủ nghĩa tư bản và mối liên hệ bên ngoài của các hiện tượng ấy. Khi đó, giai cấp vô sản còn là “tự tại đích giai cấp”. Nhưng đến thời kỳ thứ hai của thực tiễn của họ - tức là thời kỳ đấu tranh kinh tế và đấu tranh chính trị có ý thức, có tổ chức, thì nhờ có thực tiễn, nhờ có kinh nghiệm đấu tranh lâu dài, nhờ Marx và Engels đã sử dụng phương pháp khoa học để tổng kết các kinh nghiệm ấy lại, xây dựng lý luận của chủ nghĩa Marx, sử dụng lý luận đó để giáo dục giai cấp vô sản, giúp họ hiểu rõ bản chất của xã hội tư bản chủ nghĩa, hiểu rõ quan hệ bóc lột giữa các giai cấp xã hội, hiểu rõ nhiệm vụ lịch sử của giai cấp vô sản, bấy giờ giai cấp vô sản mới trở thành “tự vi đích giai cấp”.

Nhận thức của nhân dân Trung Quốc đối với chủ nghĩa đế quốc cũng vậy. Giai đoạn thứ nhất là giai đoạn nhận thức bề ngoài bằng cảm tính, biểu hiện trong cuộc đấu tranh bài ngoại mù quáng của phong trào Thái Bình Thiên Quốc, phong trào Nghĩa Hòa Đoàn, v.v…Giai đoạn thứ hai mới tiến sang giai đoạn nhận thức lý tính, nhìn ra các loại mâu thuẫn bên trong và bên ngoài của chủ nghĩa đế quốc, lại nhìn ra bản chất của việc chủ nghĩa đế quốc cấu kết với giai cấp tư sản mại bản và giai cấp phong kiến Trung Quốc để áp bức, bóc lột đông đảo nhân dân Trung Quốc. Nhận thức này chỉ mới bắt đầu từ Phong trào Ngũ Tứ năm 1919.

Chúng ta lại lấy chiến tranh mà xét. Những người lãnh đạo chiến tranh, nếu họ là những người không có kinh nghiệm chinh chiến thì trong giai đoạn đầu, họ không hiểu được những quy luật sâu sắc về việc lãnh đạo một cuộc chiến tranh cụ thể (chẳng hạn như Chiến tranh nông dân cách mạng của chúng ta 10 năm trước). Trong giai đoạn đầu, họ chỉ là tự mình trải qua nhiều kinh nghiệm tác chiến, và gặp phải rất nhiều thất bại. Song nhờ những kinh nghiệm đó (kinh nghiệm thắng lợi, đặc biệt là kinh nghiệm thất bại), họ có thể hiểu những cái bên trong, xuyên suốt toàn bộ cuộc chiến, tức là quy luật của cuộc chiến tranh cụ thể ấy, họ hiểu được chiến lược và chiến thuật, nhờ đó mà có thể vững vàng chỉ huy chiến tranh được. Khi đó, nếu đem một người không có kinh nghiệm vào chỉ huy, thì không thể tránh khỏi những thất bại ban đầu, sau đó (khi có kinh nghiệm rồi) thì mới hiểu được những quy luật chính xác của chiến tranh.

Thường thường ta thấy một số đồng chí, khi họ không dám mạnh dạn nhận nhiệm vụ công tác, họ hay nói: không thể nắm được. Tại sao lại không thể nắm được? Vì họ chưa hiểu rõ tính chất quy luật về nội dung và hoàn cảnh của hình thức công tác ấy ; hoặc là từ xưa đến nay, họ chưa tiếp xúc với hình thức công tác ấy, cho nên không biết dựa vào đâu để nói về quy luật của nó. Đến khi đã phân tích được tình hình và hoàn cảnh một cách tỉ mỉ, họ cảm thấy mình đã nắm được ít nhiều, sẵn lòng tham gia công tác. Nếu người đó đã dành thời gian công tác và tích lũy được kinh nghiệm, lại còn là người chịu khó xem xét tình hình kĩ càng, trung thực, chứ không phải là một người chỉ nhìn vấn đề một cách chủ quan, phiến diện và hời hợt, thì người đó có thể tự mình đưa ra kết luận rằng nên công tác như thế nào, và sự hăng hái của người đó cũng tăng lên rất nhiều. Chỉ có những người nhìn nhận vấn đề một cách chủ quan và hời hợt, đến một nơi nào đó mà không hỏi về tình hình và hoàn cảnh, không xem xét công việc một cách toàn diện (lịch sử và toàn bộ hiện trạng của công việc), cũng như không nắm được bản chất của công việc (tính chất của công việc và mối liên hệ bên trong giữa công việc này và công việc khác) mà đã ỷ mình là tài giỏi, giơ tay truyền lệnh, thì không thể tránh khỏi thất bại.

Do đó ta thấy, trong quá trình nhận thức, bước thứ nhất là bắt đầu tiếp xúc với sự việc bên ngoài, thuộc về giai đoạn cảm quan. Bước thứ hai là tổng hợp các dữ kiện của cảm quan mà chỉnh lý và cải tạo, thuộc về giai đoạn khái niệm, phán đoán và suy lý. Chỉ có dữ kiện phong phú của cảm quan (không vụn vặt, thiếu sót) và hợp với thực tế (không phải cảm giác sai lầm) thì mới có thể căn cứ vào chúng mà tạo ra khái niệm và luận lý một cách chính xác.

Ở đây, có hai điểm trọng yếu cần được nhấn mạnh. Điểm thứ nhất đã được nói ở trên, bây giờ nhắc lại một lần nữa, tức là vấn đề nhận thức lý tính phải dựa vào nhận thức cảm tính. Người nào cho rằng nhận thức lý tính có thể không cần xuất phát từ nhận thức cảm tính, thì người đó là một người duy tâm chủ nghĩa. Trong lịch sử triết học, có một trường phái được gọi là “chủ nghĩa duy lý” chỉ thừa nhận tính chất thực tại của lý tính, không thừa nhận thực chất thực tại của kinh nghiệm, cho rằng chỉ có lý tính là đáng tin cậy, sai lầm của trường phái ấy ở chỗ là họ đã đảo lộn sự thật. Những cái thuộc về lý tính sở dĩ đáng tin cậy, chính vì nó bắt nguồn trong cảm tính ; nếu không thì những cái thuộc về lý tính chẳng khác gì nước không nguồn, cây không gốc, chỉ xuất phát từ chủ quan, không thể tin cậy. Theo thứ tự của quá trình nhận thức mà nói, thì kinh nghiệm cảm quan là cái thứ nhất ; chúng ta nhấn mạnh ý nghĩa của thực tiễn xã hội trong quá trình nhận thức, chính là ở chỗ chỉ có thực tiễn xã hội mới có thể khiến nhận thức con người phát sinh, bắt đầu từ sự vật khách quan bên ngoài mà thu được kinh nghiệm giác quan. Một người bịt mắt bịt tai, căn bản đoạn tuyệt với ngoại cảnh khách quan, thì chẳng có gì gọi là nhận thức. Nhận thức bắt đầu từ kinh nghiệm – đó là chủ nghĩa duy vật của nhận thức luận.

Điểm thứ hai là nhận thức phải được làm sâu sắc hơn, giai đoạn cảm tính của nhận thức phải phát triển thành giai đoạn lý tính – đó là phép biện chứng của nhận thức luận **5**. Nếu cho rằng nhận thức có thể dừng lại ở giai đoạn thấp là giai đoạn cảm tính, cho rằng chỉ có nhận thức cảm tính mới đáng tin cậy, còn nhận thức lý tính là không đáng tin cậy, như vậy là phạm phải sai lầm lịch sử của “chủ nghĩa kinh nghiệm”. Sai lầm của thứ lý luận này ở chỗ, nó không hiểu rằng dữ kiện của cảm quan cố nhiên phản ánh một vài tính chất thực tế của thế giới khách quan (ở đây tôi không nói thứ chủ nghĩa kinh nghiệm duy tâm cho rằng kinh nghiệm chỉ là cái thể nghiệm bên trong), song đó chỉ là những thứ phiến diện, hời hợt, phản ánh không đầy đủ và không thể phản ánh được bản chất của sự vật. Muốn phản ánh toàn bộ sự vật một cách toàn diện, và bản chất của nó, phản ánh quy luật bên trong sự vật, thì phải trải qua sự rèn luyện về suy nghĩ, cải tạo những dữ kiện của cảm quan, bỏ cái thô lấy cái tinh, bỏ cái giả lấy cái thật, từ cái này đến cái khác, từ ngoài vào trong, tạo nên hệ thống khái niệm và lý luận, nghĩa là phải do nhận thức cảm tính tiến sang nhận thức lý tính. Loại nhận thức đã được tái thiết đó không phải là một thứ nhận thức rỗng hơn, không đáng tin cậy hơn, mà trái lại, miễn là trong quá trình nhận thức, nó đã được tái thiết một cách khoa học và căn cứ vào thực tiễn, thì đúng như Lenin đã nói, nó sẽ là những cái phản ánh sự vật khách quan một cách sâu sắc hơn, chính xác hơn, toàn diện hơn. Các nhà sự vụ chủ nghĩa tầm thường thì không như vậy, họ tôn trọng kinh nghiệm mà coi khinh lý luận, vì thế không thể nhìn thấu toàn thể quá trình khách quan, thiếu phương châm rõ ràng, đúng đắn, không có tiền đồ rộng lớn, dương dương tự đắc với một chút công lao và một ý kiến cỏn con. Những người ấy nếu chỉ đạo cách mạng thì sẽ đưa cách mạng tới chỗ bế tắc.

Nhận thức lý tính dựa vào nhận thức cảm tính, nhận thức cảm tính phải phát triển thành nhận thức lý tính, đó là nhận thực luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng. “Chủ nghĩa duy lý” và “chủ nghĩa kinh nghiệm” về triết học đều không hiểu tính chất lịch sử và tính chất biện chứng của nhận thức ; tuy rằng mỗi bên đều cũng có mang một khía cạnh nào đó của chân lý (đây là nói chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa kinh nghiệm duy vật, chứ không phải chỉ nói về chủ nghĩa kinh nghiệm duy tâm), song xét về tính toàn thể của nhận thức luận thì cả hai đều sai lầm cả. Sự vận động duy vật biện chứng của nhận thức từ cảm tính đến lý tính đối với một quá trình nhận thức nhỏ (như nhận thức đối với một sự vật hay một công việc) là như vậy, mà đối với quá trình nhận thức lớn (như nhận thức về xã hội hay cách mạng) cũng tương tự.

Nhưng sự vận động của nhận thức đến đây chưa hề chấm dứt. Sự vận động duy vật biện chứng của nhận thức nếu chỉ đến nhận thức lý tính rồi dừng lại thì mới nói được một nửa vấn đề. Và đứng về triết học Marxist mà nói, nó mới chỉ nói được cái nửa vấn đề không mang tính trọng yếu. Triết học Marxist nhận thấy rằng vấn đề trọng yếu không phải là hiểu được quy luật của thế giới khách quan, do đó mà giải thích được thế giới, mà là ở chỗ nó đem những nhận thức về quy luật khách quan đó mà cải tạo thế giới một cách năng động **\***. Xét theo quan điểm Marxist, lý luận là trọng yếu ; tính trọng yếu của nó được thể hiện đầy đủ trong câu nói của Lenin: “Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng” **6**. Song chủ nghĩa Marx coi trọng lý luận chính là vì chỉ có lý luận mới có thể chỉ đạo hành động. Nếu có lý luận đúng mà chỉ đem nó ra nói suông một hồi, rồi lại gác lên trên cao, không hề thực hành, thế thì thứ lý luận ấy có tốt đẹp bao nhiêu cũng chẳng có ý nghĩa gì cả. Nhận thức bắt đầu từ thực tiễn, trải qua thực tiễn mà tạo ra nhận thức lý luận, rồi lại phải trở về thực tiễn. Tác dụng thiết thực của nhận thức, không những chỉ thể hiện sự nhảy vọt một cách năng động từ nhận thức cảm tính sang nhận thức lý tính, mà trọng yếu hơn nữa là phải biểu hiện ở sự nhảy vọt từ nhận thức lý tính sang thực tiễn cách mạng. Đã nắm được nhận thức về quy luật của thế giới thì lại phải đem nó vào thực tiễn nhằm thay đổi thế giới, lại phải áp dụng vào thực tiễn sản xuất, vào thực tiễn cách mạng của đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc, cho đến thực tiễn thực nghiệm khoa học. Đó là quá trình kiểm nghiệm và phát triển lý luận, là sự tiếp diễn của toàn bộ quá trình nhận thức. Vấn đề lý luận có phù hợp với chân lý khách quan hay không, không phải là đã được giải quyết hoàn toàn mà cũng không thể giải quyết hoàn toàn trong sự vận động của nhận thức từ cảm tính đến lý tính. Muốn giải quyết hoàn toàn vấn đề này chỉ có cách đem nhận thức lý tính áp dụng vào thực tiễn xã hội, áp dụng lý luận vào thực tiễn, xem nó có thể đạt được mục đích định trước không. Có nhiều lý luận khoa học tự nhiên sở dĩ được gọi là chân lý, không những trong khi các nhà khoa học tự nhiên phát minh ra học thuyết ấy, mà những lý luận ấy còn phải được thực tiễn khoa học chứng minh là đúng nữa. Chủ nghĩa Marx – Lenin sở dĩ được gọi là chân lý, không những vì Marx, Engels, Lenin, Stalin đã xây dựng học thuyết ấy một cách khoa học, mà là tư tưởng chính trị đã được chứng thực là đúng thông qua thực tiễn đấu tranh giai cấp và đấu tranh cách mạng dân tộc. Chủ nghĩa duy vật biện chứng sở dĩ là chân lý phổ quát vì ở chỗ bất luận thực tiễn của bất cứ ai đó, cũng không thể thoát khỏi phạm vi của nó. Lịch sử nhận thức của loài người đã chỉ cho chúng ta biết rằng, tính chân lý của nhiều thứ lý luận là không hoàn toàn ; nhờ sự kiểm chứng của thực tiễn mà đã uốn nắn được những điểm thiếu sót của những lý luận đó. Nhiều thứ lý luận sai lầm, nhờ sự kiểm chứng của thực tiễn mà đã uốn nắn được những sai lầm đó. Sở dĩ nói rằng thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý, nói rằng “quan điểm về đời sống, về thực tiễn, phải là quan điểm thứ nhất và cơ bản của lý luận về nhận thức” **7**, nguyên do chính là ở chỗ đó. Stalin nói rất đúng rằng: “Lý luận sẽ là lý luận trống rỗng, nếu không gắn liền với thực tiễn cách mạng ; cũng hệt như thực tiễn sẽ trở thành mù quáng nếu không được lý luận cách mạng soi đường” **8**.

Đến đây, sự vận động của nhận thức đã hoàn thành chưa? Chúng ta trả lời: hoàn thành rồi, mà cũng chưa hoàn thành. Con người xã hội tự đưa mình vào thực tiễn, thay đổi một tiến trình khách quan nào đó trong một giai đoạn phát triển nào đó (vô luận đó là thực tiễn thay đổi một tiến trình tự nhiên hoặc một tiến trình xã hội nào đó), do sự phản ánh của tiến trình khách quan và tác dụng của sự năng động chủ quan mà làm cho nhận thức con người chuyển từ cảm tính lên lý tính, tạo nên tư tưởng, lý luận, kế hoạch hoặc sách lược về đại thể tương ứng với quy luật của tiến trình khách quan đó, rồi sau đó lại áp dụng chúng vào thực tiễn cũng thuộc tiến trình khách quan ấy, nếu có thể thực hiện được mục đích mong muốn, tức là biến chúng thành sự thật, hay về đại thể thành sự thật trong thực tiễn của cùng một tiến trình ấy, thì lúc đó, sự vận động của nhận thức đối với tiến trình cụ thể ấy được coi là đã hoàn thành rồi. Ví như, trong quá trình biến đổi tự nhiên mà thực hiện được kế hoạch của một công trình nào đó, tạo ra được một công cụ nào đó, thu hoạch được một loại nông sản nào đó ; hay trong quá trình biến đổi xã hội mà giành được thắng lợi trong một cuộc bãi công nào đó, thắng lợi trong một cuộc chiến nào đó, thực hiện được một kế hoạch giáo dục nào đó, thì như thế đều xem là thực hiện được mục đích mong muốn. Song, nói chung thì dù trong thực tiễn biến đổi tự nhiên hay trong thực tiễn biến đổi xã hội, những tư tưởng, lý luận, kế hoạch, sách lược do người ta định ra mà được thực hiện đầy đủ không mảy may thay đổi là chuyện rất hiếm. Bởi vì những người thay đổi hiện thực, thường gặp phải nhiều hạn chế, không những bởi các điều kiện khoa học và kĩ thuật, mà còn do sự phát triển và trình độ biểu hiện của quá trình khách quan nữa (các mặt và bản chất của quá trình khách quan chưa bộc lộ đầy đủ). Trong tình hình ấy, vì từ thực tiễn mà phát hiện ra những tình huống trước kia chưa tính đến, cho nên thường phải thay đổi một bộ phận, cũng có khi phải thay đổi toàn bộ những tư tưởng, lý luận, kế hoạch, sách lược định trước. Như thế nghĩa là trong những tư tưởng, lý luận, kế hoạch, sách lược định ra ban đầu, đều có những trường hợp là có một bộ phận hay toàn bộ không sát với thực tế ; có một bộ phận sai hay toàn bộ đều sai. Nhiều khi phải lặp đi lặp lại nhiều lần thất bại mới uốn nắn được nhận thức sai lầm, mới đi tới chỗ phù hợp với tính quy luật của quá trình khách quan, nhờ đó mới có thể biến đổi cái chủ quan thành cái khách quan, nghĩa là đạt được kết quả mong muốn trong thực tiễn. Nhưng dù sao, thì đến lúc này, sự vận động của nhận thức con người đối với một quá trình khách quan nào đó, trong một giai đoạn phát triển nào đó, được coi là đã hoàn thành.  
  
Song lấy sự tiến triển của quá trình mà nói, thì sự vận động của nhận thức con người chưa phải là đã hoàn thành. Bất cứ quá trình nào, dù thuộc về tự nhiên hay xã hội, cũng đều tiến lên và phát triển do mâu thuẫn và đấu tranh bên trong ; sự vận động của nhận thức con người cũng phải tiến lên và phát triển theo. Lấy sự vận động xã hội mà nói, thì người lãnh đạo cách mạng chân chính, không những khi tư tưởng, lý luận, kế hoạch, sách lược của mình có sai lầm thì phải khéo sửa chữa như đã nói trên, khi một quá trình khách quan nào đó đã từ một giai đoạn phát triển này tiến triển và chuyển biến lên một giai đoạn phát triển khác thì cũng phải khéo làm cho nhận thức chủ quan của mình và những nhà cách mạng khác, cũng đều tiến triển và chuyển biến theo, nghĩa là phải làm cho nhiệm vụ mới của cách mạng và phương án mới của công tác đề ra có thể thích hợp với sự biến đổi của tình hình mới. Trong thời kỳ cách mạng, tình hình biến đổi rất nhanh, nếu nhận thức của những người trong chính đảng cách mạng không biết chuyển biến nhanh theo nó thì không thể đưa cách mạng đi đến thắng lợi.

Nhưng tình trạng tư tưởng lạc hậu so với thực tế là điều thường có, đó là vì nhận thức con người bị hạn chế bởi nhiều điều kiện xã hội. Chúng ta phản đối phái bảo thủ trong hàng ngũ cách mạng, tư tưởng của họ không thay đổi và tiến lên theo tình hình khách quan, trong lịch sử, nó đã biểu hiện thành chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh. Những người ấy không thấy rằng sự đấu tranh của mâu thuẫn đã thúc đẩy quá trình khách quan tiến lên, mà nhận thức của họ thì vẫn dừng lại ở giai đoạn cũ. Tư tưởng của tất cả những kẻ bảo thủ đều mang đặc trưng ấy. Tư tưởng của họ tách rời thực tiễn xã hội, họ không thể đứng trước bánh xe xã hội mà đảm đương công việc dẫn đường chỉ lối, họ chỉ biết bước theo sau xe, oán trách xe chạy nhanh quá, hòng kéo xe lùi lại, kéo xe chạy ngược lại.

Chúng ta cũng chống lại những lời nói suông “tả” khuynh. Tư tưởng của họ vượt qua giai đoạn phát triển nhất định của quá trình khách quan ; một số người thì coi ảo tưởng là chân lý, một số người thì đem những lý tưởng mà chỉ đến tương lai mới có thể trở thành hiện thực, gắng gượng mà làm trong hiện tại, tư tưởng tách rời thực tiễn trước mắt của đại đa số nhân dân, tách rời hiện thực trước mắt, biểu hiện thành chủ nghĩa phiêu lưu trong hành động.

Chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật máy móc, chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa phiêu lưu, đều có đặc điểm chung là tách rời chủ quan với khách quan, tách rời nhận thức với thực tiễn. Nhận thức luận của chủ nghĩa Marx – Lenin với đặc trưng của nó là thực tiễn khoa học xã hội, không thể không kiên quyết phản đối những sai lầm đó. Một người Marxist luôn thừa nhận rằng, trong quá trình phát triển toàn diện và tuyệt đối của vũ trụ, thì sự phát triển của các quá trình cụ thể đều là tương đối của vũ trụ, thì sự phát triển của các quá trình cụ thể đều là tương đối, do đó mà trên dòng sông dài của chân lý tuyệt đối, nhận thức con người đối với quá trình cụ thể trong mỗi giai đoạn phát triển nhất định, chỉ có tính chân lý tương đối mà thôi. Chân lý tuyệt đối là cái được cấu thành bởi tổng số chân lý tương đối **9**. Sự phát triển của quá trình khách quan là sự phát triển chứa đầy mâu thuẫn và đấu tranh, sự phát triển của sự vận động nhận thức con người cũng là sự phát triển giữa mâu thuẫn và đấu tranh. Mọi sự vận động biện chứng của thế giới khách quan đều có thể hoặc trước hoặc sau phản ánh vào nhận thức con người. Quá trình phát sinh, phát triển và suy vong trong thực tiễn xã hội là vô tận, quá trình phát sinh, phát triển và suy vong của nhận thức con người cũng là vô tận. Thực tiễn biến đổi hiện thực khách quan theo tư tưởng, lý luận, kế hoạch, sách lược nhất định cứ hết đợt này đến đợt khác mà tiến lên, do đó nhận thức con người đối với hiện thực khách quan cũng qua hết đợt này đến đợt khác mà càng sâu sắc thêm. Sự vận động biến đổi của thế giới hiện thực khách quan mãi mãi không bao giờ kết thúc ; nhận thức về chân lý của con người trong thực tiễn cũng vậy. Chủ nghĩa Marx – Lenin không hề kết thúc chân lý, mà trong thực tiễn, nó không ngừng mở đường cho việc nhận thức chân lý. Kết luận của chúng ta là sự thống nhất có tính chất lịch sử và cụ thể giữa chủ quan và khách quan, giữa lý luận và thực tiễn, giữa hiểu biết và đấu tranh chống những tư tưởng sai lầm “tả” khuynh hoặc hữu khuynh tách rời lịch sử cụ thể.  
  
Xã hội phát triển đến thời đại ngày nay, lịch sử đặt trách nhiệm nhận thức đúng đắn và thay đổi thế giới lên vai giai cấp vô sản và chính đảng vô sản. Trên thế giới và ở Trung Quốc, quá trình thực tiễn thay đổi thế giới căn cứ vào nhận thức khoa học mà định ra đó, đã tới giờ phút lịch sử - giờ phút quan trọng chưa từng có trong lịch sử - tức là xua đuổi hoàn toàn bóng tối của thế giới và Trung Quốc, thay đổi thế giới và Trung Quốc thành một thế giới sáng sủa chưa từng có từ trước tới nay. Cuộc đấu tranh thay đổi thế giới của giai cấp vô sản và nhân dân cách mạng bao gồm thực hiện những nhiệm vụ sau đây: thay đổi thế giới khách quan và cũng thay đổi cả thế giới chủ quan của mình – cải tạo năng lực nhận thức của mình, cải tạo mối quan hệ giữa thế giới chủ quan và thế giới khách quan. Trên thế giới này đã có một bộ phận tiến hành những thay đổi ấy, đó là Liên Xô. Nhân dân nước này đang đẩy mạnh quá trình thay đổi ấy. Nhân dân Trung Quốc và nhân dân thế giới cũng đang hoặc chuẩn bị quá trình thay đổi ấy. Trong cái gọi là thế giới khách quan bị thay đổi, bao gồm cả những người chống lại sự thay đổi, việc cải tạo đối với những người này phải trải qua giai đoạn cưỡng bức rồi mới đi vào giai đoạn tự giác. Khi thế giới đã bước vào thời đại mà loài người đều tự giác thay đổi bản thân mình và thay đổi thế giới, đó là thời đại của thế giới cộng sản.

Qua thực tiễn mà tìm ra chân lý, lại qua thực tiễn mà chứng minh chân lý và phát triển nó. Từ nhận thức cảm tính mà tích cực phát triển đến nhận thức lý tính, lại từ nhận thức lý tính mà tích cực chỉ đạo cách mạng để thay đổi thế giới chủ quan và thế giới khách quan. Thực tiễn, nhận thức, rồi lại thực tiễn, nhận thức, hình thức ấy lặp lại tuần hoàn cho đến vô tận và nội dung của mỗi vòng tuần hoàn thực tiễn – nhận thức đều phát triển lên một bậc cao hơn. Đó là toàn bộ nhận thức luận duy vật biện chứng, đó là quan điểm duy vật biện chứng về sự thống nhất giữa biết và làm.

**CHÚ THÍCH**

**\*** Trong Đảng ta đã có một số đồng chí giáo điều chủ nghĩa cứ vứt bỏ những kinh nghiệm của cách mạng Trung Quốc mãi, họ phủ nhận cái chân lý: “Chủ nghĩa Marx không phải là giáo điều mà là kim chỉ nam cho hành động”, họ chỉ dùng từng câu từng chữ cắt xén trong sách vở của chủ nghĩa Marx để đem đi dọa nạt người ta. Lại có một số đồng chí khác thì cứ khư khư bảo thủ trong những kinh nghiệm nhỏ hẹp của mình, không hiểu tính chất quan trọng của lý luân đối với thực tiễn cách mạng, không thấy được toàn diện của cách mạng, cho nên tuy cũng công tác gian khổ, nhưng chỉ làm mò mẫm. Tư tưởng sai lầm của hai loại đồng chí đó, đặc biệt tư tưởng giáo điều chủ nghĩa đã từng làm cho cách mạng Trung Quốc chịu những tổn thất lớn trong khoảng từ năm 1931 đến năm 1934, và những người giáo điều chủ nghĩa đã khoác áo Marxist, đánh lừa được rất nhiều đồng chí. Bài ***Bàn về thực tiễn*** của đồng chí Mao Trạch Đông chính là để dùng quan điểm về nhận thức luận Marxist mà vạch rõ những sai lầm chủ quan của chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa kinh nghiệm trong Đảng, - đặc biệt là chủ nghĩa giáo điều. Vì trọng điểm là vạch trần tính chất chủ quan của chủ nghĩa giáo điều xem thường thực tiễn, cho nên tựa đề là: ***Bàn về thực tiễn***. Đồng chí Mao Trạch Đông đã từng dùng những quan điểm trong bài này để giảng ở trường Đại học chính trị quân sự chống Nhật tại Diên An.

**1** Xem V.I.Lenin, ***Bản tóm tắt cuốn sách của Hegel “Khoa học logic”, Toàn tập, Tập 29***, NXB Sự thật, 2006, trang 230.

**2** Xem Karl Marx, ***Luận cương về Feuerbach, Karl Marx và Engels Toàn tập, Tập 3,*** NXB Sự thật, 1995, trang 9-14 và V.I.Lenin, ***Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, Toàn tập, Tập 18,*** NXB Sự thật, 2005, trang 161-168.

**3** Xem V.I.Lenin, ***Bản tóm tắt cuốn sách của Hegel “Khoa học logic”, Toàn tập, Tập 29,*** NXB Sự thật, 2006, trang 179.

**4** Nguyên văn là “trí thức lý thủ”, “lý thủ” có nghĩa là thành thạo trong phương ngữ Hồ Nam.

**5** “Muốn hiểu biết thì phải bắt đầu tìm hiểu, nghiên cứu từ kinh nghiệm, từ kinh nghiệm mà đi đến cái chung.” – V.I.Lenin, ***Bản tóm tắt cuốn sách của Hegel “Khoa học logic”, Toàn tập, Tập 29,*** NXB Sự thật, 2006, trang 220.

**6** Xem V.I.Lenin, ***Làm gì?, Toàn tập, Tập 6,*** NXB Sự thật, 2005, trang 30.

**7** Xem V.I.Lenin, ***Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, Toàn tập, Tập 18,*** NXB Sự thật, 2005, trang 167.

**8** Xem I.V.Stalin, ***Những nguyên lý của chủ nghĩa Lenin, Những vấn đề của chủ nghĩa Lenin***, NXB Sự thật, 1977, trang 20.

**9** Xem V.I.Lenin, ***Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, Toàn tập, Tập 18,*** NXB Sự thật, 2005, trang 157-158.